

KẾ HOẠCH

**Triển khai Kế hoạch số 99-KH/TU ngày 29/11/2019
của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của
Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng
và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế**

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 12/3/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế;

Căn cứ Kế hoạch số 99-KH/TU ngày 29/11/2019 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế;

Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Kết quả đạt được

Thời gian qua, việc quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế của tỉnh bao gồm: Nhân lực, vật lực và tài lực đã có đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Nguồn nhân lực dồi dào gần 1,91 triệu người, số lượng người trong độ tuổi lao động chiếm trên 60%, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 60%; Lực lượng lao động có sự chuyển dịch từ khu vực nông nghiệp sang khu vực công nghiệp và dịch vụ. Lao động làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm còn 51%.

Công tác quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên thiên nhiên được tăng cường. Đất đai được quản lý ngày càng chặt chẽ, tỷ lệ đất đưa vào khai thác sử dụng trên 99,8%, diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đạt 96% tạo nguồn lực rất lớn phục vụ sản xuất kinh doanh nhằm mục tiêu bảo vệ môi trường và phòng tránh sạt lở. Khai thác khoáng sản cát, đá từng bước giảm dần công suất.

Tài nguyên nước bước đầu được quy hoạch và đi vào quản lý; tổ chức cấp phép sử dụng nước mặt, thu tiền cấp quyền khai thác, hạn chế tối đa khai thác nước ngầm, tài nguyên nước cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống nhân dân.

Cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển cả về số lượng và chất lượng đã thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát triển văn hóa, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh nâng cao đời sống nhân dân. Việc quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn lực tài chính đã góp phần phát triển kinh tế ổn định, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, thúc đẩy sản xuất kinh doanh.

2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh kết quả đạt được, việc quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế còn nhiều hạn chế, chưa hiệu quả:

Chất lượng nguồn nhân lực nhìn chung chưa cao và công nhân lành nghề vẫn còn thiếu so với nhu cầu phát triển các ngành kinh tế chủ lực của tỉnh, trong đó nhân lực cho ngành nghề chế biến, chế tạo còn hạn chế.

Cơ cấu lao động theo trình độ đào tạo chưa hợp lý, kết nối cung - cầu trên thị trường lao động còn nhiều bất cập. Tình trạng thất nghiệp ở nhóm lao động trẻ hoặc không phù hợp giữa công việc và trình độ đào tạo còn khá phổ biến. Chưa thu hút được người có trình độ cao hoạt động trong lĩnh vực khoa học công nghệ, chất lượng việc làm thấp,.....

Quản lý nhà nước trên lĩnh vực đất đai vẫn tồn tại tình trạng để lán, chiếm đất công, đất bãi bồi, đất dự án chậm triển khai, quy hoạch và chuyển mục đích không hiệu quả, chưa tạo được quỹ đất cho thu hút đầu tư. Vẫn còn tình trạng khai thác khoáng sản (cát, đá) không phép, trái phép, khai báo giảm trữ lượng khai thác, thất thu thuế, ô nhiễm môi trường, tác động sạt lở. Việc khai thác sử dụng nguồn nước mặt, nước ngầm còn lãng phí, chưa coi trọng tài nguyên nước, chưa có ý thức bảo vệ nguồn nước, nguy cơ ô nhiễm tác động đến đời sống sinh hoạt; các khu bảo tồn hệ sinh thái, đất ngập nước chưa được quản lý tốt; chưa chủ động ứng phó biến đổi khí hậu.

Chính sách thuế có nhiều biến động làm giảm nguồn thu ngân sách; chi ngân sách hàng năm tăng do thực hiện cải cách tiền lương, bổ sung các khoản phụ cấp, tăng mức chi chính sách xã hội, chi các cơ chế chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; Tỉnh nhận trợ cấp ngân sách từ Trung ương tương đương đối lớn (giai đoạn 2011-2016 là 51,8%, giai đoạn 2017-2019 khoảng 55%).

3. Nguyên nhân hạn chế

Nguyên nhân chủ yếu do chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong công tác quản lý, khai thác, sử dụng các nguồn lực của nền kinh tế. Công tác phối hợp giữa các Bộ, ngành Trung ương và địa phương nhiều trường hợp còn chưa chặt chẽ. Việc kiểm tra, giám sát, quản lý các nguồn lực chưa được chú trọng đúng mức. Công tác kiểm kê, đánh giá thực chất tình hình các nguồn lực của nền kinh tế chưa được tổ chức thường xuyên, định kỳ.

Các khu công nghiệp trong tỉnh chưa thu hút được nhiều nhà đầu tư, chưa tạo được nhiều cơ hội việc làm cho người lao động, thiếu các phương tiện đào tạo chuyên sâu ở các trường nghề; Công tác quản lý tài nguyên còn chưa chặt chẽ, cơ sở hạ tầng giao thông còn chưa đồng bộ; các nguồn thu còn hạn chế, chưa có giải pháp cụ thể để tăng thu, mở rộng nguồn thu cho ngân sách.

II. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU

1. Quan điểm

Quản lý, khai thác, huy động, phân bổ, sử dụng và phát huy có hiệu quả các nguồn lực của nền kinh tế cho tỉnh phát triển là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và mọi tầng lớp nhân dân.

Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế là yêu cầu cấp bách trong tình hình hiện nay để khắc phục các tồn tại, yếu kém của nền kinh tế, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh theo các mục tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X đề ra.

Đa dạng hoá các hình thức huy động và sử dụng nguồn lực; thúc đẩy xã hội hoá, thu hút mạnh mẽ các nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước; áp dụng nguyên tắc thị trường trong quản lý, khai thác, sử dụng các nguồn lực cho phát triển. Đẩy mạnh kinh tế hoá nguồn vật lực, trong đó tập trung vào nguồn lực tài nguyên thiên nhiên. Tập trung khai thác tối đa tiềm năng khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Kiểm kê đầy đủ và thực chất các nguồn lực của nền kinh tế là cơ sở quan trọng để xây dựng Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các kế hoạch phát triển trung hạn trong từng thời kỳ. Tất cả các nguồn lực của nền kinh tế phải được kiểm kê đánh giá, thống kê, hạch toán đầy đủ, đúng đắn trong nền kinh tế; được quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hợp lý, phát huy tối đa hiệu quả và phát triển bền vững.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, giám sát, kiểm tra, kiểm soát đối với việc khai thác, huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực, không để xảy ra thất thoát, lãng phí, cạn kiệt nguồn lực của tỉnh và hủy hoại môi trường.

Nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên; giảm dần khai thác khoáng sản đá, cát sông để bảo vệ cảnh quan thiên nhiên phục vụ cho phát triển du lịch và bảo vệ tài nguyên không tái tạo.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, huy động, phân bổ, sử dụng các nguồn lực của nền kinh tế nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, bảo đảm quốc phòng - an ninh.

2.2. Mục tiêu cụ thể

a) Đối với nguồn nhân lực

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo: đạt 73% năm 2025; 83% năm 2035 và 90% năm 2045.

- Tỷ trọng lao động làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản: đạt dưới 40% năm 2025; dưới 35% năm 2035 và dưới 30% năm 2045.

- Khắc phục cơ bản tình trạng mất cân đối cung - cầu nhân lực trong nền kinh tế vào năm 2025.

b) Đối với nguồn vật lực

- Đến năm 2025

+ Thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản phù hợp với thực tế quy mô và hiệu quả đầu tư. Xây dựng mới và duy trì vận hành mạng lưới trạm quan trắc tài nguyên môi trường.

+ Tích cực ngăn ngừa, hạn chế tình trạng suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

+ Phân đấu hoàn thành dứt điểm các công trình có tính cấp bách, trọng tâm, trọng điểm, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, nâng cấp hạ tầng kết nối giữa các vùng.

+ Hoàn thành lập quy hoạch đất đai, khoáng sản, xây dựng phù hợp phát triển kinh tế - xã hội và mời gọi đầu tư trên địa bàn.

- Đến năm 2035

+ Bảo đảm 99,8% diện tích đất tự nhiên được đưa vào khai thác, sử dụng. Kiểm soát tình hình ô nhiễm nguồn nước. Chủ động ngăn ngừa, hạn chế tình trạng suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

+ Duy trì khai thác đá đến hạn cấp phép và sẽ dừng hẳn việc khai thác đá vào năm 2035.

+ Bảo đảm hệ thống cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, kết nối thuận tiện, nhanh chóng đến các tỉnh, thành trong vùng trong cả nước.

- Đến năm 2045

+ Chủ động ngăn ngừa, hạn chế tình trạng suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Bảo tồn và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên.

+ Hoàn thiện cơ sở vật chất và kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, kết nối thông suốt với các tỉnh, thành vùng ĐBSCL, cả nước và với nước bạn Campuchia.

c) Đối với nguồn tài lực

- Hoàn thành việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn toàn Tỉnh vào năm 2025.

- Cân đối thu - chi ngân sách nhà nước: Từng bước tăng thu ngân sách, phấn đấu đến năm 2030 bảo đảm cân đối thu – chi; đến năm 2035 đảm bảo giữ vững cân đối thu – chi và tiếp tục giữ vững đến năm 2045.

- Tỷ lệ thu ngân sách nhà nước tăng bình quân hàng năm: Phấn đấu tăng từ 11% đến 12% giai đoạn 2030 - 2035 và trên 15% giai đoạn 2040 - 2045.

- Tỷ lệ huy động vốn đầu tư toàn xã hội: Chiếm từ 41% đến 43% GRDP vào năm 2025; 43% đến 45% GRDP vào năm 2035 và chiếm trên 45% GRDP vào năm 2045.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nhiệm vụ, giải pháp chung

Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm việc công khai, minh bạch trong quản lý, khai thác và sử dụng các nguồn lực của nền kinh tế tỉnh; Tập trung các nguồn lực phát triển những sản phẩm có lợi thế so sánh, sức cạnh tranh, giá trị gia tăng cao và có thị trường tiêu thụ.

Thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh

của nền kinh tế tỉnh An Giang theo tinh thần Chương trình hành động số 12-CTr/TU ngày 10/02/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Nâng cao năng lực kiến tạo, năng lực tự chủ, đổi mới sáng tạo của các doanh nghiệp. Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở tăng cường năng lực phân tích, đánh giá, dự báo trên các lĩnh vực. Đề cao trách nhiệm giải trình và đạo đức công vụ; đẩy lùi tham nhũng, góp phần củng cố lòng tin của nhà đầu tư, doanh nghiệp và toàn xã hội.

Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Người lao động phải được trang bị kỹ năng tối thiểu ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản và nhiều loại kỹ năng đa dạng để thích ứng với môi trường thời đại 4.0 và dễ dàng dịch chuyển công việc phù hợp với nhu cầu của thị trường. Đẩy mạnh phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ trên tất cả các ngành, lĩnh vực.

2. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đối với nguồn nhân lực

2.1. Nâng cao nhận thức về phát triển, quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực

Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09/6/2014 của Chính phủ về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 18/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; “Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2017-2025”, phát triển giáo dục - đào tạo gắn với phát triển khoa học công nghệ.

Triệt để khắc phục “bệnh thành tích” và những tiêu cực trong giáo dục, đào tạo. Khắc phục tâm lý và hiện tượng quá coi trọng và đề cao “Bằng cấp”, “Chứng chỉ” một cách hình thức trong tuyển dụng và đánh giá nhân lực.

Triển khai thực hiện Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục. Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh đào tạo theo nhu cầu thị trường lao động và sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế của tỉnh.

Phát triển mạnh hệ thống thông tin đại chúng, mở rộng cơ hội và tăng cường năng lực cho người dân tiếp cận thông tin, thụ hưởng các dịch vụ văn hóa, vui chơi giải trí, có cuộc sống tinh thần lành mạnh nhằm nhanh chóng tái tạo, phát triển năng lực làm việc và khả năng sáng tạo của mỗi người.

2.2. Đổi mới công tác quản lý, sử dụng, đánh giá và đào tạo nguồn nhân lực

Xây dựng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế, phát huy nội lực, tranh thủ tối đa ngoại lực cho đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ. Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng cao, đặc biệt đối với những lĩnh vực như: chế biến sâu nông, thủy sản, chế tạo máy, tự động hóa, công nghệ thông tin...

Tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án thực hiện Nghị quyết 18, 19-NQ/TW của Hội nghị BCH Trung ương khóa XII về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập.

Cải thiện điều kiện, môi trường lao động để tạo động lực, khuyến khích lao động hiệu quả, sáng tạo; phát triển mạnh nguồn nhân lực chất lượng cao trên cơ sở đào tạo tại chỗ và thu hút những chuyên gia giỏi trong và ngoài nước về tỉnh làm việc. Đồng thời, thu hút và phát triển đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, chuyên gia đầu ngành trên các lĩnh vực quan trọng, trước mắt trong lĩnh vực nông nghiệp (trồng trọt, nuôi trồng thủy sản), du lịch, khoa học kỹ thuật... Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong tất cả các ngành, lĩnh vực nhằm nâng cao sản lượng, chất lượng sản phẩm, tăng lợi thế cạnh tranh trên thị trường, tăng nhanh đội ngũ lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao thay thế dần đội ngũ lao động, công nhân phổ thông có trình độ trung bình và thấp.

Khuyến khích và tạo điều kiện cho việc giáo dục theo mô hình gắn kết với doanh nghiệp, liên kết đào tạo những lĩnh vực mà xã hội, doanh nghiệp cần, nhất là lực lượng lao động có tay nghề cao, chuyên môn giỏi, đồng thời khích lệ hoạt động sáng tạo của người lao động và xã hội để thích ứng với mọi điều kiện, rèn luyện tính tự lực, tự cường, tìm tòi sáng tạo cùng với việc chú trọng thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, đội ngũ các nhà khoa học, nhà sáng chế, các chuyên gia để giảng dạy, truyền đạt và tương tác trong lao động, trong giáo dục tỉnh nhà.

Thực hiện có hiệu quả Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ.

Gắn kết giữa dạy nghề với thị trường lao động và sự tham gia của doanh nghiệp, phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động. Xây dựng mối quan hệ chặt chẽ giữa dạy nghề với thị trường lao động, hướng vào việc đáp ứng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp.

Hoàn thành việc sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, đảm bảo đúng người, đúng việc, giảm số lượng, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu gắn với kiện toàn bộ máy, làm cơ sở thực hiện cải cách chính sách tiền lương theo Kế hoạch số 277/KH-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Kế hoạch số 73-KH/TU ngày 27 tháng 02 năm 2019 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.

Sắp xếp và đẩy mạnh việc trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị, tổ chức sự nghiệp công lập trong quản lý, sử dụng nhân lực theo đúng quy định pháp luật.

Rà soát sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các quy định liên quan đến cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành.

Thực hiện giám sát xã hội, bảo đảm vai trò giám sát của cộng đồng, phát huy vai trò của các đoàn thể, tổ chức xã hội trong việc giám sát chất lượng đào tạo nhân lực.

2.3. Phát triển thị trường lao động hoạt động hiệu quả

Triển khai, hướng dẫn chính sách tiền lương; tăng cường cơ chế thỏa thuận tiền lương; thực hiện trả lương đúng với giá trị sức lao động của người lao động để tiền lương trở thành động lực thúc đẩy tăng năng suất lao động. Động viên người lao động cống hiến và phát huy khả năng sáng tạo.

Tăng cường định hướng nghề nghiệp cho học sinh, sinh viên trong các trường đại học, cao đẳng và dạy nghề.

Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-

2025 theo Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ, đa dạng hóa hình thức tổ chức dạy học đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người dân.

Khuyến khích phát triển và nâng cao năng lực Trung tâm dịch vụ việc làm, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia hoạt động dịch vụ việc làm; tổ chức cung cấp thường xuyên thông tin thị trường lao động; nâng cao hiệu quả hoạt động sản giao dịch việc làm, điểm giao dịch việc làm trong tỉnh. Từng bước hình thành cơ sở dữ liệu về thị trường lao động, làm cơ sở hoạch định chính sách việc làm và phát triển nguồn nhân lực phù hợp với yêu cầu cung - cầu lao động, việc làm của tỉnh.

3. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đối với nguồn vật lực

3.1. Đối với nguồn lực tài nguyên thiên nhiên

Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, sản phẩm phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Chuyển mạnh từ sản xuất lấy số lượng làm mục tiêu sang sản xuất theo hướng nâng cao chất lượng hiệu quả, có giá trị gia tăng cao, phù hợp với biến đổi khí hậu, tập trung phát triển các sản phẩm có lợi thế so sánh của tỉnh.

Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu: Thực hiện lồng ghép các kịch bản biến đổi khí hậu vào các chương trình, đề án, dự án phát triển kinh tế. Xây dựng năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai thích ứng với biến đổi khí hậu. Đồng thời, đẩy mạnh các biện pháp phòng, chống hạn chế tác động của triều cường, ngập lụt, xâm nhập mặn.

Tiếp tục nâng cao tỷ lệ che phủ rừng và chất lượng rừng. Triển khai quyết liệt các giải pháp ngăn chặn tình trạng cháy rừng và chặt phá rừng. Đẩy mạnh giao đất, giao rừng, nâng cao thu nhập và đời sống người làm lâm nghiệp.

Điều tra, đánh giá đầy đủ tiềm năng, trữ lượng tài nguyên khoáng sản; áp dụng phương pháp tiên tiến trong quản trị tài nguyên khoáng sản. Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác, chế biến. Xử lý nghiêm việc khai thác tài nguyên không phép, trái phép.

Đẩy mạnh công tác thăm dò, đánh giá tiềm năng nước mặt và nước ngầm. Rà soát, điều chỉnh quy hoạch ngành cấp nước theo quy định có tính tới tác động của biến đổi khí hậu. Triển khai thực hiện các giải pháp lưu giữ và sử dụng tiết kiệm các nguồn nước. Ngăn chặn kịp thời, xử lý nghiêm hành vi gây ô nhiễm nguồn nước. Điều tra và lập cơ sở dữ liệu

về đa dạng sinh học tỉnh. Tăng cường năng lực dự báo thiên tai, biến đổi khí hậu để chủ động phòng, chống và giảm thiểu thiệt hại.

3.2. Đối với nguồn lực cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội

Huy động các nguồn lực từ các thành phần kinh tế, các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng theo hướng công khai, minh bạch, bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, nhà đầu tư và xã hội, coi đây là giải pháp đột phá để thực hiện mục tiêu bảo đảm hoàn thiện cơ sở vật chất và hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội.

Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư công thông qua xây dựng, thực hiện tốt kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn, dài hạn. Ưu tiên đầu tư các công trình có tính cấp bách, trọng tâm, trọng điểm, các công trình kết cấu hạ tầng bảo đảm đồng bộ, tính kết nối nhằm phát huy hiệu quả đầu tư, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường thanh tra, kiểm tra nhằm bảo đảm việc huy động, sử dụng nguồn vốn đầu tư công đúng mục đích, hiệu quả, xử lý nghiêm các vi phạm gây tổn thất, lãng phí.

Rà soát tiến độ thực hiện các dự án, đảm bảo tỷ lệ giải ngân hàng năm đạt trên 90%, kiên quyết chấm dứt đầu tư các dự án kém hiệu quả, thiếu tính khả thi để tập trung đầu tư cho các công trình và dự án cấp bách khác.

Nâng cao chất lượng công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản; nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, đặc biệt đối với các vấn đề liên quan đến bảo đảm quốc phòng, an ninh, an toàn xã hội và môi trường. Làm rõ vai trò, trách nhiệm của các ngành chức năng, nhất là người đứng đầu trong xây dựng, quản lý thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư.

Thực hiện mạnh việc phân cấp đầu tư, phân bổ nguồn vốn, phát huy tính chủ động sáng tạo, đề cao trách nhiệm và có chế tài mạnh đối với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương, nhất là người đứng đầu trong các quyết định đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, bảo đảm quản lý thống nhất.

Ứng dụng triệt để công nghệ thông tin, phương pháp quản lý hiện đại trong tổ chức xây dựng, quản lý khai thác và sử dụng nguồn lực cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội như: cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; cơ sở dữ liệu về tài sản được hình thành thông qua việc triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước; cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công

4. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đối với nguồn tài lực

Hoàn thành công tác cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; tạo điều kiện cho thành phần kinh tế đầu tư kết cấu hạ tầng mở rộng sản xuất kinh doanh đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Thực hiện nghiêm Luật Ngân sách nhà nước, tăng cường kỷ luật tài chính - ngân sách nhà nước ở các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn. Giám sát chặt chẽ các khoản chi từ ngân sách nhà nước, đảm bảo triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, tăng nguồn thu sự nghiệp; không đề xuất, tham mưu ban hành các chính sách, chế độ, chương trình, đề án khi không cân đối được nguồn; kiểm soát chặt chẽ việc ứng trước dự toán, chi từ nguồn dự phòng ngân sách nhà nước.

Nuôi dưỡng nguồn thu ngân sách nhà nước, bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, tập trung chống thất thu, chuyển giá và nợ đọng thuế.

Phấn đấu từng bước cân bằng thu - chi; giảm các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách nhà nước để tập trung nguồn lực cho phát triển. Kiểm soát và quản lý nợ chính quyền địa phương trong giới hạn cho phép.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, chính sách tài chính về đất đai. Khuyến khích, hỗ trợ thực hiện xã hội hóa đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định; tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công.

Giám sát chặt chẽ việc triển khai các giải pháp xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng trên địa bàn, đặc biệt là các giải pháp xử lý nợ xấu theo Nghị quyết số 42/2017/QH114 và đề án cơ cấu lại tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu.

Tiếp tục thực hiện các giải pháp quản lý thị trường vàng, quản lý giao dịch vãng lai và sử dụng ngoại tệ hợp lý trên địa bàn. Phát triển thanh toán không dùng tiền mặt; đảm bảo an ninh, an toàn trong hoạt động thanh toán.

Nâng cao năng lực quản lý, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm; thực hiện hiệu quả các cam kết hội nhập kinh tế trong lĩnh vực bảo hiểm.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các Sở, ban, ngành và đơn vị liên quan phối hợp và đề xuất Bộ, ngành Trung ương thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các nhiệm vụ nêu trong Nghị quyết số 39-NQ/TW

ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị và hiện Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 12/3/2020 của Chính phủ.

2. Trên cơ sở những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu của Kế hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, các Sở, ban ngành và các đơn vị liên quan cụ thể hóa những nội dung công việc và triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này.

3. Thủ trưởng các Sở, ban ngành và lãnh đạo các đơn vị có liên quan thường xuyên tổ chức kiểm tra kết quả thực hiện và định kỳ ngày 15 tháng 11 hàng năm báo cáo về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu cần điều chỉnh, bổ sung những nội dung, nhiệm vụ cụ thể của Kế hoạch, các Sở, ban ngành và các đơn vị liên quan chủ động phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TT.TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Vp.UBND tỉnh: lãnh đạo, các Phòng;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: HCTC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Bình